

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Thà**.

**Bà Lương Thị Quyên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Bà **Phạm Thị Quyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Tô Thị L**, sinh năm 1970.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Đội 3, thôn P 1, xã K1, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc.

Người được bà L ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện G, tỉnh Hải Dương (theo Giấy ủy quyền lập ngày 21/6/2021).

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn K** (tên gọi khác A), sinh năm 1964.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Đội 3, thôn P 1, xã K1, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Tô Thị Đ**, sinh năm 1962.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Tô Thị L trình bày: Bà và ông Phạm Văn K (A) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/10/1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, điều kiện kinh tế khó khăn, mỗi lần vợ chồng nói chuyện lại xảy ra cãi nhau, tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà tìm cách khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2019 bà đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc hiện tại chưa về nước, từ khi đi đến nay ông, bà không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Phạm Văn K (A).

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Phương Th, sinh ngày 09/9/1995 và Phạm Ngọc L1, sinh ngày 25/02/2005. Con Phạm Thị Phương Th đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Phạm Ngọc L1 hiện đang ở với bà Tô Thị Đ, bà đề nghị được nuôi dưỡng con Phạm Ngọc L1 cho đến khi con thành niên (trên 18 tuổi), bà tự nguyện không yêu cầu ông K (A) phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện bà đang lao động tại Hàn Quốc, bà ủy quyền cho bà Ngô Thị H thay mặt bà giao nộp các văn bản tố tụng tại Tòa án. Ngoài ra, bà còn ủy quyền cho bà Tô Thị Đ chăm sóc con Phạm Ngọc L1 trong thời gian bà không có mặt tại Việt Nam, bà có trách nhiệm gửi tiền về cho bà Đ nuôi con.

- Tại các biên bản lấy lời khai bị đơn ông Phạm Văn K (tên gọi khác Phạm Văn Ái) trình bày: Ông và bà Tô Thị L có quan hệ hôn nhân như bà L trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì ông bị ốm đau, sức khỏe yếu từ đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Năm 2012, bà L bỏ vào miền Nam làm ăn sinh sống, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Năm 2019, bà L đi xuất khẩu lao động không nói cho ông biết, vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay, bà L đề nghị xin ly hôn, ông cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Phương Th, sinh ngày 09/9/1995 và Phạm Ngọc L1, sinh ngày 25/02/2005. Con Phạm Thị Phương Th đã trưởng thành và đã có gia đình riêng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Phạm Ngọc L1, hiện đang ở với bà Tô Thị Đ, ông nhất trí giao con cho bà L nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và nhất trí giao con cho bà Tô Thị Đ nuôi dưỡng trong thời gian bà L không có mặt tại Việt Nam, ông không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị Đ trình bày: Trong thời gian bà L không có mặt tại Việt Nam, bà nhất trí nhận ủy quyền của bà L về

việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc L1, sinh ngày 25/02/2005 cho đến khi bà L về nước, bà không yêu cầu bà L, ông K (A) phải cấp dưỡng tiền nuôi cháu Phạm Ngọc L1.

*Người được bà L ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, bà Ngô Thị H trình bày:* Bà nhất trí nhận ủy quyền của bà Tô Thị L, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho bà L biết, bà L vẫn giữ nguyên quan điểm như bà đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Con chung của bà L, ông K (A) là Phạm Ngọc L1 có nguyện vọng được ở với bà L và bà Đ.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà L và ông K (A) sinh sống và cư trú thể hiện: Ông K (A) do sức khỏe yếu, bà L đi làm công ty, vợ chồng xảy ra sứt mẻ tình cảm, từ đó bà L bỏ vào Miền Nam làm ăn trong suốt thời gian dài. Sau khi về địa phương, bà L lại tiếp tục đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Vợ chồng chủ yếu sống xa nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, gần bó. Nay bà L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 09/KLGD-PC09 ngày 24/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải trong Đơn xin ly hôn, Đơn xin giải quyết vắng mặt, Giấy ủy quyền đề ngày 21/6/2021 so với dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải trong Giấy chứng minh nhân dân số 141332072 và trong Căn cước công dân số 030170004733 mang tên Tô Thị L là của cùng một người.

Tài phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Tô Thị L ly hôn ông Phạm Văn K (A). Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc L1 cho bà L nuôi dưỡng, ông K (A) không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Phạm Ngọc L1 cho bà Tô Thị Đ nuôi dưỡng trong thời gian bà L không có mặt tại Việt Nam. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Tô Thị L có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở đội 3, thôn P 1, xã K1, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện bà L đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Mặc dù, bà L không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng bà đã gửi các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền cho Tòa án. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay trong các tài liệu và có kết luận giám định xác định dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải trong Đơn xin ly hôn, Đơn xin giải quyết vắng mặt, Giấy ủy quyền đề ngày 21/6/2021 so với dấu vân tay ngón trỏ trái, trỏ phải trong Giấy chứng minh nhân dân số 141332072 và trong Căn cước công dân số 030170004733 mang tên Tô Thị L là của cùng một người. Do vậy khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng xin ly hôn của bà L. Quá trình giải quyết vụ án, bà L, ông K và bà Đ đều có đơn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị L và ông Phạm Văn K (A) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 29/10/1987 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát, xích mích. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, không có biện pháp hòa giải tháo gỡ, bà L bỏ vào miền Nam làm ăn, sau đó lại tiếp tục sang Hàn Quốc làm ăn kinh tế. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông K (A). Ông K (A) cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và sống ly thân từ lâu nên ông nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông K (A) đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà L ly hôn ông K (A) là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Bà Tô Thị L và ông Phạm Văn K (A) có hai con chung là Phạm Thị Phương Th, sinh ngày 09/9/1995 và Phạm Ngọc L1, sinh ngày 25/02/2005. Con Phạm Thị Phương Th đã thành niên, ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Phạm Ngọc L1 hiện đang ở với bà Tô Thị Đ, bà L đề nghị được nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc L1 và tự nguyện không yêu cầu ông K (A) phải cấp dưỡng cho con và ủy quyền cho bà Đ thay bà chăm sóc cháu Linh trong thời gian bà không có mặt tại Việt Nam. Bà Đ nhất trí nhận ủy quyền chăm sóc cháu Linh. Xét thấy, ông K (A) nhất trí giao con Phạm Ngọc L1 cho bà L nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên và nhất trí giao con cho bà Tô Thị Đ nuôi dưỡng trong thời gian bà L không có mặt tại Việt Nam, cháu Linh cũng có nguyện vọng được ở với bà L và bà Đ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao

con chung Phạm Ngọc L1 cho bà Tô Thị L nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của bà L tạm thời không yêu cầu ông K (A) phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Phạm Ngọc L1 cho bà Tô Thị Đ nuôi dưỡng trong thời gian bà L không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông K (A) không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng: Đối với chi phí giám định bà L tự nguyện chịu cả và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Tô Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Tô Thị L ly hôn ông Phạm Văn K (A).

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho bà Tô Thị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Ngọc L1, sinh ngày 25/02/2005 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của bà L tạm thời không yêu cầu ông K (A) phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Phạm Ngọc L1 cho bà Tô Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian bà L không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Tô Thị L phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004283 ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Tô Thị L được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Văn K (A) và bà Tô Thị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã K1, huyện T, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Xuân Trường**  
**(Đã ký)**